TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/DS-ST
Ngày 21-10-2019
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1977 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp BB, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh T, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Bà Dương Hồng C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp ND, xã Quách PB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Ngày 20/10/2017al, bà có cho ông T và bà C vay 13 chỉ vàng 24k, lãi suất vàng vay 100.000đ/chỉ/tháng và 15.000.000đ, lãi suất tiền vay 1%/tháng. Sau đó ngày 20/11/2017al, ông T và bà C vay thêm 20.000.000đ, lãi suất tiền vay 1%/tháng, hai bên có làm biên nhận, thỏa thuận trả lãi hàng tháng, khi bị đơn lên tôm trả vốn (vài tháng sẽ trả). Đối với khoản vay ngày 20/10/2017al, ông T và bà C trả lãi được 05 tháng, khoản vay ngày 20/11/2017al, ông T và bà C trả lãi được 04 tháng.

Bà yêu cầu ông T và bà C trả 13 chỉ vàng 24k, 35.000.000đ và trả số tiền lãi 19.800.000đ (tính từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019).

Tại phiên tòa, bà L đồng ý trừ số tiền lãi vàng đã nhận 6.500.000đ vào số vàng vốn vay và rút yêu cầu tính lãi đối với số vàng vay từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019.

Ông Lê Minh T và bà Dương Hồng C thống nhất trình bày:

Ông bà không có vay của bà L số vàng, tiền theo như yêu cầu khởi kiện của bà L và không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Biên nhận ngày 20/10/2017 là của ông T nên không đồng ý trả bà L 13 chỉ vàng 24k, 35.000.000đ và trả số tiền lãi 19.800.000đ. Sau khi Tòa án công bố nội dung kết luận giám định số 84/GĐ-2019 ngày 04/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, ông T và bà L không có yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc ông T và bà C trả số vàng 11 chỉ 04 phân 04 ly và 42.000.000đ (35.000.000đ tiền vốn và 7.000.000đ tiền lãi). Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi trên số vàng 13 chỉ vàng 24k từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Minh T và bà Dương Hồng C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T và bà C là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số vàng và tiền vay: Bà L cho rằng ông T và bà C có vay của bà 13 chỉ vàng 24k và 35.000.000đ. Còn ông T và bà C không thừa nhận có vay số vàng, tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: Theo biên nhận ngày 20/10/2017 do bà L cung cấp có nội dung: Ông T có vay của bà L 13 chỉ vàng 24k và 35.000.000đ. Mặc dù, ông T và bà C không thừa chữ viết, chữ ký trong biên nhận ngày 20/10/2017 là chữ ký và chữ viết của ông T. Nhưng theo kết luận giám định số 84/GĐ-2019 ngày 04/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận: Chữ ký, chữ viết trên "Biên nhận" ngày 20/10/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết trên 02 (hai) "TỜ TỰ NHẬN" cùng ghi ngày 27/4/2019, họ tên Lê Minh T (ký hiệu M1; M2) và chữ ký, chữ viết họ tên "Lê minh T", dưới mục "CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM" trên "BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH" ngày 27/4/2019 (Ký hiệu M3) là do cùng một người ký và viết ra. Sau khi Tòa án công bố kết luận giám định trên, ông T và bà C cũng không có ý kiến gì về kết quả giám định trên.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 20/10/2017al, ông T vay bà L 13 chỉ vàng 24k, lãi suất vàng vay 100.000đ/chỉ/tháng và 15.000.000đ,

lãi suất tiền vay 1%/tháng và ngày 20/11/2017al, ông T vay bà L 20.000.000đ, lãi suất tiền vay 1%/tháng.

Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu ông T và bà C trả số vốn vay 13 chỉ vàng 24k, 35.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bị đơn trả số vốn vay 35.000.000đ và đồng ý trừ số tiền lãi vàng đã nhận 6.500.000đ vào số vàng vốn vay. Theo đó 4.170.000đ/chỉ vàng 24k x 13 chỉ vàng 24k = 54.210.000đ – 6.500.000đ = 47.710.000đ quy ra vàng là 11 chỉ 04 phân 04 ly. Xét thấy, việc bà Loan thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi suất:

Đối với lãi suất vàng vay: Tại đơn khởi kiện, bà L yêu cầu tính lãi suất 100.000đ/chỉ/tháng trên số vàng 13 chỉ vàng 24k từ tháng 3/2018 cho đến tháng 3 năm 2019. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà L rút yêu cầu tính lãi đối với số vàng vay. Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi suất đối với 13 chỉ vàng 24k.

Đối với lãi suất tiền vay: Bà L yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi đối với số tiền 35.000.000đ theo mức lãi suất 20%/năm từ tháng 3 năm 2018 cho đến tháng 3 năm 2019 với số tiền 7.000.000đ (35.000.000đ x 20%/năm x 01 năm = 7.000.000đ). Xét thấy số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Bà L yêu cầu ông T và bà C cùng có trách nhiệm trả số nợ trên. Xét thấy: Trong thời gian, ông T vay tiền và vàng, ông T và bà C vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân và đang sống chung trong gia đình. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định khoản nợ bà L là nợ chung của ông T và bà C.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông T và bà C trả cho bà L 11 chỉ 04 phân 04 ly vàng 24k, 35.000.000đ tiền vốn và 7.000.000đ tiền lãi.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L không phải chịu. Ông T và bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Chi phí giám định: Ông T và bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm L. Buộc ông Lê Minh T và bà Dương Hồng C trả 11 chỉ 04 phân 04 ly vàng 24k và 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi suất đối với 13 chỉ vàng 24k từ tháng 3 năm 2018 cho đến tháng 3 năm 2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm L không phải chịu. Ngày 08/5/2019, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.508.000đ tại biên lai số 0009379 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Ông Lê Minh T và bà Dương Hồng C phải chịu 4.485.500đ (chưa nộp).

3. Chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Cẩm L không phải chịu. Bà L đã dự nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng), được hoàn trả lại số tiền 5.000.000đ.

Ông Lê Minh T và bà Dương Hồng C phải chịu 5.000.000đ. Buộc ông T và bà C phải có nghĩa vụ nộp số tiền 5.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền 42.000.000đ và 5.000.000đ, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Cẩm L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Minh T và bà Dương Hồng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng